

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2016

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH

VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

GÒM CÓ:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Dối

Bà Nguyễn Thị Nga.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Tiến Dũng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 09 năm 2016, tại Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2015 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐ-ST ngày 26/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kiều L; sinh năm: 1971. (có mặt).

- Bị đơn: **Anh** Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1979. (vắng mặt không có lý do).
Cùng trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2017 và bản tự khai ngày 04/4/2017 chị Đặng Thị Kiều L, trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H cưới nhau năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/7/1997. Gần 10 năm trở lại đây, tình cảm vợ chồng anh chị không còn, nguyên nhân do anh H chơi cờ bạc, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình con cái, mặc dù hai bên gia đình khuyên bảo, động viên nhưng anh H không

chịu sửa chữa khuyết điểm. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng anh, chị có với nhau 03 cháu, gồm cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/08/2002; Nguyễn Ngọc Thảo H, sinh ngày 20/9/2004; Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 12/9/2007, nguyện vọng của chị xin nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con một cháu mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

- Tại bản tự khai ngày 14/4/2017 và tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2017 anh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Đặng Thị Kiều L trình bày là đúng, nay chị L yêu cầu Tòa án quyết giải cho chị ly hôn với anh, anh H đồng ý ly hôn với chị Loan.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/08/2002; Nguyễn Ngọc Thảo H, sinh ngày 20/9/2004; Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 12/9/2007 và anh xin được chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Anh và chị có tài sản chung, gồm 01 ngôi nhà tại tổ dân phố P, thị trấn C, huyện Nghĩa H; 01 quán café tại tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N.

Nợ chung: vợ chồng nợ anh Trần Hoàng Đ 20.000.000đ, anh Võ P 20.000.000đ, anh V 20.000.000đ, anh T 50.000.000đ (Tất cả những người này anh không biết địa chỉ cụ thể) và Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn C 35.000.000đ, số tiền nợ trên anh vay để mở quán café, vì vậy anh yêu cầu được nhận quán café tại tổ dân phố P và tự chịu trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ.

Tại phiên tòa kiểm sát viên có ý kiến: Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự đúng thẩm quyền, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đảm bảo quyền cho các đương sự; Chị L thực hiện đúng theo giấy triệu tập của Tòa án, anh H không thực hiện theo những yêu cầu, triệu tập của Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị Kiều L ly hôn với và anh Nguyễn Ngọc H theo qui định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình, giao ba con chung cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục mỗi

tháng anh H phải trợ cấp nuôi mỗi con 700.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh H được quyền thăm chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Theo qui định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh H có yêu cầu chia tài sản nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét giải quyết, anh H có khai vợ chồng có nợ một số người nhưng không cung cấp họ tên địa chỉ của những chủ nợ nên cũng không xem xét giải quyết số nợ mà anh H khai.

Chị L anh H phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn Nguyễn Ngọc H theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải theo thủ tục chung để giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kiều L và anh Nguyễn Ngọc H đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi được Ủy ban nhân dân thị trấn cấp giấy kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là H chơi cờ bạc, không lo làm ăn. Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng anh H không đến tham dự nên không thể tiến hành hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cuộc sống sau này của mỗi người, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có cơ sở, nên được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình.

[3] Về con chung: Anh H chị L có 03 con chung, gồm cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/08/2002; Nguyễn Ngọc Thảo H, sinh ngày 20/9/2004;

Nguyễn Ngọc Kim P , sinh ngày: 12/9/2007. Nguyên vọng của chị L nếu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh H chị xin nuôi dưỡng, giáo dục cháu 03 cháu N, H và P và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con một cháu mỗi tháng 700.000đ. Còn nguyên vọng của anh H anh cũng xin được nuôi dưỡng, giáo dục 03 con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 03 cháu N, H và P đang sống cùng chị L và tại bản tự khai của 03 cháu có nguyên vọng ở với chị L. Vì vậy nên giao cháu ba cháu cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Mỗi tháng anh H phải trợ cấp nuôi mỗi con 700.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi, thời gian tính từ ngày tuyên án. Anh H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ riêng, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ số 42/TB –TA ngày 20/4/2017 yêu cầu anh H giao nộp chứng cứ, họ tên, địa chỉ những người anh H vay tiền, Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 78/TB – TA ngày 11/5/2017 nhưng anh H không giao nộp họ tên, địa chỉ những người anh H vay tiền và anh H cũng không nộp tiền tạm ứng án phí. Tại Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 anh H cam kết trong vòng 05 ngày kể từ ngày 14/4/2017 anh sẽ giao nộp danh sách họ tên, địa chỉ của chủ nợ nhưng anh không thực hiện và anh cam kết trong vòng hai ngày kể từ ngày làm việc anh sẽ nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh H vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí, xem như anh không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn trong cùng vụ án, sau này anh H có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau ly hôn sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh Nguyễn Ngọc H có trình bày vợ chồng nợ quỹ tín dụng nhân dân C 35.000.000đ, ngày 04/5/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã làm việc với quỹ dụng , quỹ tín dụng đã trình bày khoản nợ này là cha anh H là ông Nguyễn Ngọc T có vay của Quỹ 35.000.000đ cho vợ chồng anh H mở quán cà phê, và Quỹ không khởi kiện đòi nợ vợ chồng anh H chị L trong vụ án này.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết việc Hôn nhân, con chung tài sản chung, nợ chung của chị Đặng Thị Kiều L và anh Nguyễn Ngọc H phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Đặng Thị Kiều L phải chịu án phí ly hôn, anh Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí trợ cấp nuôi con theo quy định Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân Gia đình.

- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Kiều L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Giao cháu 03 cháu Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 24/08/2002; Nguyễn Ngọc Thảo H, sinh ngày 20/9/2004; Nguyễn Ngọc Kim P, sinh ngày 12/9/2007 cho chị Đặng Thị Kiều L chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 cháu một cháu mỗi tháng 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng), thời gian tính từ ngày 08/9/2017.

Anh Nguyễn Ngọc H có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về án phí: Chị Đặng Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/011698, ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí trợ cấp nuôi con.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì

hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án, số tiền lãi theo mức lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nhà, Ủy ban nhân dân thị trấn nơi cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

Nơi nhận:

- VKS huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục Thi Hành án huyện Nghĩa Hành;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND thị trấn Chợ Chùa;
- Các đương sự;
- Lưu HSơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam

